

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2021

V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm.

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Yến L, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Đình H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Bùi Thị Yến L trình bày:

Chị và anh Phan Đình H qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H vào năm 2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh H cùng nhau sinh sống tại nhà cha mẹ anh H được một năm. Đến năm 2015, chị và anh H về bên gia đình cha mẹ ruột chị sống tại ấp B, xã P, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh H sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do chị và anh H không có tiếng nói chung bất đồng quan điểm sống, từ đó chị và anh H không còn chung sống với nhau và sống ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân chị và anh H có gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Hiện nay anh H đi làm gì ở đâu không rõ, vì không còn liên lạc với anh H. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị và anh H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Phan Đình H trình bày: Anh thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là như chị L trình bày là đúng. Nay chị Bùi Thị Yến L yêu cầu được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị L. Khi ly hôn, về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Yến L đối với anh Phan Đình H. Chị Bùi Thị Yến L được ly hôn anh Phan Đình H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị L yêu cầu ly hôn đối với anh H. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Phan Đình H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Bùi Thị Yến L và anh Phan Đình H qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L vào năm 2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh H cùng nhau sinh sống tại nhà cha mẹ anh H được một năm. Đến năm 2015, chị L và anh H về bên gia đình cha mẹ ruột chị L sống tại ấp B, xã P, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Chị L và anh H sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L và anh H không có tiếng nói chung bất đồng quan điểm sống, từ đó chị L và anh H không còn chung sống vợ chồng với nhau và sống ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân chị L và anh H có gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị L yêu cầu được ly hôn với anh H.

Anh Phan Đình H thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là như chị L trình bày là đúng. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, chị L và anh H không thể hàn gắn đoàn tụ, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Yến L đối với anh Phan Đình H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Yến L đối với anh Phan Đình H. Chị Bùi Thị Yến L được ly hôn anh Phan Đình H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Yến L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014702 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị L được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường L;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đạt